

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 374/2021/ HNGĐ-ST
Ngày 19-5-2021
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Đông.

2. Ông Trần Ngọc Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Trần An Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị S, cư trú tại: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng T, cư trú tại: Thôn H, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị S trình bày: Bà và ông Nguyễn Hồng T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q vào ngày 31 tháng 5 năm 2018. Trong thời gian chung sống, bà và ông T do bất đồng quan điểm sống nên không hợp nhau, lại có nảy sinh mâu thuẫn giữa con riêng của ông T với bà nên bà và ông T đã sống ly thân gần 01 năm nay, không còn liên lạc với nhau. Cho

nên, bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Vợ chồng bà không có con chung và tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng bà không có khoản nợ chung nào.

* Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22 tháng 4 năm 2021, bị đơn ông Nguyễn Hồng T trình bày: Ông và bà Trương Thị S kết hôn vào ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q. Quá trình chung sống, bà S đam mê bài bạc nên trong gia đình có lời qua tiếng lại, từ đó bà S tự ý bỏ về nhà mẹ ở gần 01 năm nay, không còn liên lạc với nhau. Bà S yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn. Về con chung và tài sản chung không có nên ông không yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho bà Trương Thị S được ly hôn ông Nguyễn Hồng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Trương Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Cho nên, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý và đưa ra xét xử vụ án dân sự về việc ly hôn theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Hồng T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Cho nên, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà S và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q vào ngày 31 tháng 5 năm 2018, không vi phạm điều kiện kết hôn, nên hôn nhân giữa bà S và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa bà S và ông T đã nảy sinh mâu thuẫn đến mức không thể sống chung và đã ly thân mỗi người sống mỗi nơi gần 01 năm nay. Bà S yêu cầu ly hôn, ông T cũng đồng ý ly hôn; giữa hai người không có con chung và tài sản chung để yêu cầu Tòa án giải quyết. Cho nên, căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà S và ông T.

[4] Về con chung và tài sản chung không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án, bà S phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị S và ông Nguyễn Hồng T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị S phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003436 ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND xã N, Tp. Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Trần Duyên Anh